TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày: 12-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ,TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mlô Y Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST-KDTM ngày 03/7/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 03/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-KDTM ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế D.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Hương G - Chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: Số N Quốc lộ Y, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quang Đ, là nhân viên chi nhánh Tây Nguyên; địa chỉ: Số X đường H, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt (văn bản ủy quyền ngày 26/9/2016).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Th.

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thảo S.

Địa chỉ: Khối V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ trình bày:

Ngày 01/01/2014 Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D - Chi nhánh Tây Nguyên và ông Nguyễn Hữu Th là chủ nhà thuốc B có ký hợp đồng nguyên tắc số 57/HĐNT.NT-DMC-2014. Theo đó, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D (viết tắt là Công ty D) sẽ cung cấp các sản phẩm thuốc theo yêu cầu của ông Th trong vòng 72 giờ kể từ ngày Công ty D chấp nhận đơn đặt hàng, chứng từ giao hàng là các hóa đơn giá trị gia tăng. Ngược lại ông Th có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty D trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng. Trường hợp ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng lãi suất vay ngắn hạn do ngân hàng Vietcombank công bố tại từng thời điểm.

Thực hiện theo thỏa thuận, từ tháng 03/2014 Công ty D đã xuất cho ông Th các hóa đơn sau:

Ngày 28/3/2014, Công ty D xuất hóa đơn số 2119 trị giá 24.747.377 đồng

Ngày 19/5/2014 và ngày 31/5/2014, Công ty D xuất 04 hóa đơn số 3741, 3742, 4207, 4208 với tổng giá trị 76.096.902 đồng.

Ngày 04/6/2014 đến ngày 30/6/2014 Công ty D xuất 04 hóa đơn số 4320, 4569, 5096, 5097 với tổng giá trị 43.520.062 đồng.

Ngày 28 và ngày 29/8/2014 Công ty D xuất 03 hóa đơn số 7301, 7358, 7381 với tổng giá trị 179.826.629 đồng.

Tổng giá trị của các hóa đơn là 324.190.970 đồng, ông Th thanh toán được 16.086.565 đồng và tính đến hết ngày 30/9/2014 ông Th còn nợ Công ty D số tiền 308.104.405 đồng.

Qua nhiều lần gặp ông Th và yêu cầu ông Th thanh toán tiền cho Công ty D nhưng ông Th không thực hiện và ông Th có lập cam kết trả nợ ngày 20/11/2014, nhưng đến thời điểm hiện nay Công ty D chưa nhận được tiền thanh toán của ông Thảo.

Nay Công ty D yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc ông Th phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 308.104.405 đồng và lãi suất ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố là 8%/năm, tức 0.67%/tháng tính từ ngày 13/10/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tạm tính là 23 tháng cụ thể: 308.104.405 x 0.67 x 23 tháng = 47.478.889 đồng. Như vậy tổng số tiền Công ty D yêu cầu ông Th phải trả là 355.583.294 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu Th quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hữu Th đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành lấy lời khai, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đối với ông Nguyễn Hữu Th được.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 09/02/2018 ông Lê Quang Đ là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty D yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu Th trong bảng đối chiếu công nợ lập ngày 02/10/2014 và giấy cam kết trả nợ lập ngày 20/11/2014.

Tại kết luận giám định số 42/PC54 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Th trong các tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Th trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thảo S trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hữu Th không có quan hệ gì với nhau chỉ biết nhau qua một người bạn. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8020776 ngày 04/7/2014 do tôi đứng tên, tuy nhiên người trực tiếp quản lý là ông Nguyễn Hữu Th là người thuê bằng cấp của tôi để mở hiệu thuốc và chúng tôi giao dịch tại số I đường P, phường T, thành phố B, hiện nay ông Th ở đâu tôi không biết. Năm 2015 tôi bị Sở Y tế gọi lên thu giấp phép hành nghề, giấp phép kinh doanh và xử phạt, vì vậy tôi không liên quan đến nhà thuốc B nữa. Nay Công ty D khởi kiện ông Th tôi không liên quan đến số tiền này vì mọi giao dịch quản lý và kinh doanh ông Th là người trực tiếp giao dịch, tôi chỉ đứng ra quản lý về mặt chuyên môn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Hữu Th vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có mặt giải quyết vụ án, riêng bị đơn là ông Nguyễn Hữu Th mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đối với ông Nguyễn Hữu Th được.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn ông Nguyễn Hữu Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là Công ty D khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Hữu Th có địa chỉ tại tổ dân Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải trả số tiền 355.583.294 đồng do mua hàng dược phẩm, do vậy đây là vụ án Kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ thời điểm sau khi hợp đồng nguyên tắc được ký kết, từ tháng 3/2014 đến tháng 8/2014 Công ty D đã bán cho ông Th các mặt hàng dược phẩm với tổng số tiền là 324.190.970 đồng, ông Th mới chỉ thanh toán được số tiền 16.086.565 đồng, nên tính đến ngày 30/9/2014 phía Công ty D xác định là ông Th còn nợ số tiền 308.104.405 đồng. Mặt khác, tại giấy cam kết trả nợ ngày 20/11/2014 của ông Nguyễn Hữu Th cũng xác nhận còn nợ Công ty D số tiền 308.104.405 đồng, vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của Công ty D đối với ông Nguyễn Hữu Th phải trả số tiền nợ gốc 308.104.405 đồng là phù hợp.

[3.2] Xét với hợp đồng nguyên tắc số 57/HĐNT.NT–DMC-2014 ngày 01/01/2014 giữa Công ty D với ông Nguyễn Hữu Thảo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng nguyên tắc số 57/HĐNT.NT–DMC-2014 ngày 01/01/2014 được ký kết thỏa thuận về việc giao, nhận hàng, giá cả, phương thức thánh toán… và phạt vi phạm. Theo đó, tại Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc quy định "*Trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại điểm 4.2 nêu trên sẽ phải chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng mức lãi suất vay ngắn hạn (06 tháng) do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Như vậy, mặc dù các bên chỉ ký kết với nhau hợp đồng nguyên tắc mà không ký kết hợp đồng kinh tế nhưng nội dung của hợp đồng nguyên tắc cũng đã thể hiện rõ ràng các điều khoản trong giao dịch mua bán hàng hóa nên các bên cần thực hiện đúng như các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, trong đó có thỏa thuận phạt vi phạm là phù hợp.

Do đó, căn cứ vào các quy định trong hợp đồng nguyên tắc thì phía Công ty D yêu cầu ông Th phải chịu mức lãi suất ngắn hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố là 8%/năm (0.67%/tháng) tính từ ngày 13/10/2014 đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, tạm tính tròn 23 tháng cụ thể: 308.104.405 x 0.67%/tháng x 23 tháng = 47.478.889 đồng. Như vậy tổng số tiền Công ty D yêu cầu ông Th phải trả là 355.583.294 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty D đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Th phải trả số tiền 355.583.294 đồng (trong đó nợ gốc là 308.104.405 đồng, tiền lãi là 47.478.889 đồng) là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng tiền chi phí cho việc giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Hữu Th số tiền 5.760.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu Th phải chịu chi phí giám định 5.760.000 đồng là phù hợp.

[5] ***Về án phí***: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể: 355.583.294 đồng x 5% = 17.779.000 là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 24, 50, 55 của Luật thương mại.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D.

Buộc ông Nguyễn Hữu Th có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D tổng số tiền 355.583.294 đồng (trong đó nợ gốc 308.104.405 đồng và lãi suất là 47.478.889 đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Hữu Th chưa thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về chi phí giám định: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Th phải chịu 5.760.000 đồng tiền chi phí cho việc giám định. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D được tiền tạm ứng chi phí giám định 5.760.000 đồng sau khi thu được của bị đơn ông Nguyễn Hữu Th.

3. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Th phải chịu số tiền 17.779.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu y tế D số tiền 8.889.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0039826 ngày 22/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Duy Đức